

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2018/QĐST-HNGĐ

N, ngày 26 tháng 3 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 322/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa:

- **Nguyên đơn:** *Chị Đinh Thị T, sinh năm 1984.*

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** *Anh Đinh Văn C, sinh năm 1981.*

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N - Đại diện theo ủy quyền là ông Mậu Xuân N - Phó Giám đốc phòng giao dịch .

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh C tiếp tục nuôi 2 con chung hiện nay đang ở với anh C là cháu Đinh Thị Ánh T1, sinh ngày 25/7/2005 và cháu Đinh Thị Tuyết N, sinh ngày 04/5/2010. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho mỗi con chung là 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng kể từ tháng 4/2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp chị T không thi hành hết nghĩa vụ thi hành án, thì chị T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi xuất được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

Anh C cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2 Về tài sản chung - Công nợ chung: Các đương sự thỏa thuận đề nghị Tòa án ghi nhận cụ thể như sau:

Anh C được sở hữu toàn bộ các tài sản chung của vợ chồng hiện nay anh C đang quản lý gồm: 03 gian nhà tạm xây bằng gạch bi và công trình phụ làm trên đất của UBND xã C, 02 cặp bò và 01 xe máy mua lại năm 2015.

Anh C không phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị T. Nhưng anh C phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ chung đối với Ngân hàng chính sách xã hội Việt nam tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình, tính đến ngày 09/3/2018 tiền gốc là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, tiền lãi là 1.044.433 (Một triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi ba) đồng, anh C tiếp tục chịu lãi theo quy định của Ngân hàng cho đến khi trả hết

nợ.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Chị T nhận chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng và chị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2013/0000691 ngày 27/12/2017 tại Thi hành án dân sự huyện N, nay được chuyển sang án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

LÃ THỊ KHUY